

Số: 65/2011/NQ-HĐND

*Cao Bằng, ngày 19 tháng 7 năm 2011*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản  
Tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 – 2015, có xét đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Xét tờ trình số 1260/TTr – UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 – 2015, có xét đến năm 2020;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến năm 2020 với các nội dung sau:

**1. Dự báo trữ lượng và tài nguyên một số khoáng sản có trữ lượng lớn**

- Quặng sắt: trữ lượng và tài nguyên dự báo 44,75 triệu tấn;
- Quặng mangan: trữ lượng và tài nguyên dự báo 6,13 triệu tấn;
- Quặng thiếc – vonfram: trữ lượng và tài nguyên dự báo 13.793 tấn;
- Quặng barit: trữ lượng và tài nguyên dự báo 2,67 triệu tấn;

**2. Mục tiêu**

Đánh giá nguồn tài nguyên khoáng sản và quy mô trữ lượng, chất lượng, điều kiện khai thác từ đó xây dựng quy hoạch đánh giá, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đề xuất nhiệm vụ và giải pháp thực hiện, góp phần đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững trước mắt và lâu dài.

**3. Đối tượng**

Các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó trọng tâm là những khoáng sản có khả năng khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các khoáng sản sắt, mangan, thiếc- vonfram, barit và một số khoáng sản khác như: fluorit, đá ốp lát. . .

**4. Các nội dung quy hoạch**

4.1. Dự báo nhu cầu sử dụng một số khoáng sản có trữ lượng lớn đến năm 2020:

- Quặng sắt: tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2020 khoảng 10 triệu tấn.

- Quặng mangan: tổng nhu cầu sử dụng đến 2020 khoảng 3,0 triệu tấn.

- Quặng thiếc: tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2020 khoảng 7.000 tấn tinh quặng ( $\geq 60\%$  Sn).

4.2. Quy hoạch thăm dò khoáng sản

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
<b>I. KHOÁNG SẢN SẮT</b>					
1	Thăm dò các điểm sắt trên địa bàn huyện Nguyên Bình: Bản Nùng - Bản Luộc (xã Thề Dục), Khuổi Tông (xã Triệu Nguyên), Cao Lù, Tà Phình (xã Ca Thành), Lũng Luông, Lũng Khoen (xã Vũ Nông), Làng Chạng, Lũng Dụ, Nà Boóc (xã Thề Dục) và Pó Văm – Chiu Đôm – Lũng Báng (xã Triệu Nguyên, xã Vũ Nông)	Fe	20	2011 - 2015	35
2	Thăm dò điểm sắt Bó Lếch, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An	Fe	2	2011 - 2015	4
3	Thăm dò điểm sắt Bó Ninh, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	Fe	1,5	2011 - 2015	3
4	Thăm dò các điểm sắt Nà Cắng – Nặm Lìn, Lũng Giăng – Hà Lịch, Nà Mè, xã Hồng Việt và xã Hoàng Tung, huyện Hòa An	Fe	1,5	2011 - 2015	3
5	Thăm dò các điểm sắt trên địa bàn huyện Hòa An: Phiêng Gù, Cốc Phung, Háng Hóa, Đức Chính (xã Bé Triều) và mở rộng mỏ sắt Ngườm Cháng (xã Dân Chủ) (phần ngoại diện tích đã cấp phép khai thác)	Fe	3	2011 -2015	6
6	Thăm dò các điểm Nà Doỏng I - Nà Doỏng II, đồi Khe Khoòng; Đông Dăm, Lũng Phải (xã Duyệt Trung và phường Tân Giang, Thị xã Cao Bằng)	Fe	3	2011 - 2015	6
7	Thăm dò các điểm Bản Ho,	Fe	1,5	2011 -	3

	Khuổi Léch, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình			2015	
8	Thăm dò các điểm Khuổi Rào - Phiêng Léch và Phiêng Buồng - Phiêng Buồng, xã Hưng Đạo - xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc	Fe	1,5	2011 - 2015	3
9	Thăm dò tại các điểm quặng sắt mới được phát hiện, đánh giá như Chộc Sọ, xã Lê Lai; điểm Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An.	Fe	4	2011 - 2015	6
	<b>Cộng</b>		<b>38</b>		<b>69</b>
	<b>II. KHOÁNG SẢN MANGAN</b>				
1	Thăm dò bổ sung mỏ Lũng Luông, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh	Mn	5	2011 - 2015	8
2	Thăm dò bổ sung mỏ Tóc Tát, phía Bắc Tóc Tát (Lũng Nạp), Tầng Giường, xã Quang Trung - xã Tri Phương, huyện Trà Lĩnh	Mn	2,5	2011 - 2015	5
3	Thăm dò các điểm Pò Viên, xã Quốc Dân, huyện Quảng Uyên; xóm bản Khuông (xã Thông Huè), Lũng Phải - Bản Chang, Tà Man - Hát Pan, Nộc Cu (xã Đình Phong), Nà Mum (xã Khâm Thành), Tả Than - Hiếu Lễ (xã Lãng Hiếu), Kha Mon (xã Ngọc Khê), Bản Hấu, Lũng Gà - Lũng Oai - Lũng Hoài ( xã Đoài Côn, xã Đức Hồng), Nà Mán (xã Đức Hồng) và Lũng Phjắc, Bản Rạ (xã Đàm Thủy), huyện Trùng Khánh	Mn	9,5	2011 - 2015	18
4	Thăm dò các điểm Bản Mặc - Pác Riéc (xã Quang Hán), Kép Ky, Pài Cai (xã Quang Trung - xã Tri Phương), Mã Phục - Lũng Riéc (xã Quốc Toản), huyện Trà Lĩnh	Mn	5,5	2011 - 2015	9
5	Thăm dò điểm trên địa bàn huyện Hạ Lang: Lũng Phậy, Khưa	Mn	4,5	2011 - 2015	10

Khoang (xã Lý Quốc), Sộc Quân – Sà Lầu – Lũng Sườn (xã An Lạc và Thị trấn Thanh Nhật).

**Cộng:**

**27**

**50**

### III. KHOÁNG SẢN KHÁC

1	Thăm dò điểm thiếc Nà Ngần (xã Trương Lương, huyện Hòa An) và thăm dò bổ sung thiếc sa khoáng Nguyên Bình (Thị trấn Nguyên Bình)	Sn	1,5	2011 - 2015	4
2	Thăm dò các điểm vàng Nam Quang, Thảm Riềm, Nà Sầu - Nặm Đang (xã Nam Quang - xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm), suối Sơn Lộ - Sơn Lập (xã Sơn Lộ - xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc), vàng gốc Bản Giãm và sa khoáng Bảo Lạc (xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc)	Au	9	2011 - 2015	23
3	Thăm dò các điểm vàng trên địa bàn huyện Nguyên Bình; Bản Nùng, Pác Bó (xã Thử Dục), Lộc Xoa (Nà Sloa, xã Ca Thành), Dược Lang (xã Phan Thanh), Khuổi Tông (xã Triệu Nguyên)	Au	7	2012 - 2015	20
4	Thăm dò các điểm niken – đồng Suối Cùn (phường Sông Bằng, Thị xã Cao Bằng và xã Ngũ Lão, huyện Hòa An), đồng Lũng Liềm (xã Thái Sơn và xã Thái Học, huyện Bảo Lâm), đồng Bản Đe (Thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm).	Ni - Cu	7,5	2011 - 2015	20
5	Thăm dò các điểm antimon Hát Han (xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm), Linh Quang, Dược Lang, Nà Đông (xã Mai Long – xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình) và Nam Viên (xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc).	Sb	3	2011 - 2015	10
6	Thăm dò các điểm barit Po Tấu	Ba	5	2012 -	12

	(xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh), Nà Chích, Kim Loan (xã Kim Loan, huyện Hà Lang). Thăm dò các điểm barit trên địa bàn huyện Bảo Lâm: Chè Pèn, Bản Khun - Phiêng Mường (Thị trấn Pác Miầu), Bản Trang, Tổng Ngoảng (xã Quảng Lâm) Bản Đuốc, Bản Vai - Bản Ran (xã Yên Thổ và xã Thái Học). Thăm dò các điểm dolomit Sộc Khăm (xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh), Nà Ôn, Lũng Đeng, Đức Xuân (xã Đức Xuân và xã Vân Trình, huyện Thạch An).			2015	
7	Thăm dò các điểm barit trên địa bàn huyện Bảo Lâm: Chè Pèn, Bản Khun - Phiêng Mường (Thị trấn Pác Miầu), Bản Trang, Tổng Ngoảng (xã Quảng Lâm) Bản Đuốc, Bản Vai - Bản Ran (xã Yên Thổ và xã Thái Học).	Ba	7	2011 - 2015	16
8	Thăm dò các điểm dolomit Sộc Khăm (xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh), Nà Ôn, Lũng Đeng, Đức Xuân (xã Đức Xuân và xã Vân Trình, huyện Thạch An).	DI	4	2011 - 2015	7
9	Thăm dò thạch anh Nà Bản; Bản Chiếu; fluorit Phia Đén-Bình Đường, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình.	TA	1	2011 - 2015	3
10	Thăm dò đá silic Bản Piên, đá đen ốp lát tại xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh.	OL	1,5	2011 - 2015	4
11	Thăm dò vàng hạt mịn trên địa bàn huyện Hòa An, huyện Thạch An và Thị xã Cao Bằng	Au	154,1	2011 - 2013	70
12	Thăm dò vàng hạt mịn trên địa bàn huyện Nguyên Bình	Au	122,2	2011 - 2015	60
13	Thăm dò khoáng sản than tại Vài Nòn, xã Hồng An, huyện Bảo Lạc	C	1,5	2011 - 2013	4
	<b>Cộng</b>		<b>324,3</b>		<b>253</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>389,3</b>		<b>372</b>

*Trong giai đoạn 2011 – 2015 sẽ tiến hành thăm dò thêm tại các mỏ, điểm mỏ được phát hiện mới sau khi đã được điều tra, đánh giá của Nhà nước.*

#### 4.3. Quy hoạch khai thác khoáng sản

##### \* Đối với quặng sắt

- Đưa vào khai thác công nghiệp các mỏ sau khi hoàn thành thăm dò các quy mô trữ lượng và tài nguyên > 1 triệu tấn như: Bản Nùng, Khuổi Tông, Lũng

Luông, Cao Lù và Boong Quang.

- Các mỏ có quy mô trữ lượng và tài nguyên còn lại (sau khai thác đến năm 2010) < 1.000.000 tấn và các mỏ, điểm mỏ đã cấp phép khai thác, yêu cầu thăm dò nhằm xác định trữ lượng còn lại và sẽ quy hoạch cho khai thác với quy mô phù hợp với nhu cầu sử dụng, điều kiện khai thác, năng lực của chủ đầu tư.

**\* Đối với quặng mangan**

- Các mỏ có trữ lượng và tài nguyên còn lại (sau khai thác đến năm 2010) > 100.000 tấn sẽ quy hoạch cho khai thác công nghiệp gồm: Túc Tát, Lũng Luông.

- Sau khi thăm dò làm rõ trữ lượng sẽ đưa vào khai thác với quy mô phù hợp với nhu cầu sử dụng, điều kiện khai thác và năng lực của chủ đầu tư tại các điểm mangan còn lại.

**\* Đối với các khoáng sản khác**

Xác định rõ quy mô khai thác theo quy mô trữ lượng và những việc cần làm trước khi khai thác. Huy động khai thác theo nhu cầu thực tế chế biến của tỉnh hoặc trong nước.

**Quy hoạch khai thác khoáng sản**

STT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Hiện trạng khai thác, dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
<b>A. KHOÁNG SẢN SẮT</b>				
<b>I. KHAI THÁC THEO QUY MÔ CÔNG NGHIỆP, TRỮ LƯỢNG + TÀI NGUYÊN &gt; 1.000.000 tấn</b>				
1	Điểm Bản Nùng (334a)	6.681.890	2011	Cần thăm dò
2	Điểm Khuổi Tông (334a)	1.103.653	Đang khai thác	Cần thăm dò
3	Điểm Lũng Luông (334a)	2.993.983	Đang khai thác	Cần thăm dò
4	Điểm Cao Lù (334a)	1.054.400	Đang khai thác	Cần thăm dò
5	Điểm khoáng sản Boong Quang (333)	2.896.600	Đang khai thác	Cần thăm dò
<b>II. KHAI THÁC THEO QUY MÔ NHỎ, TRỮ LƯỢNG + TÀI NGUYÊN &lt; 1.000.000 tấn</b>				
1	Điểm Bản Chang (333)	63.997	Đã cấp phép	Cần thăm dò

2	Điểm Bó Lếch (333)	849.021	Đã cấp phép	Cần thăm dò
3	Điểm Bó Ninh (333)	577.971	Đã cấp phép	Cần thăm dò
4	Điểm Tà Phình (333)	600.000	Đã cấp phép	Cần thăm dò
5	Điểm sắt xóm Nà Cặng và xóm Nặm Lìn (334a)	249.000	Đã cấp phép	Cần thăm dò
6	Điểm khoáng sản Làng Chạng (333)	681.303	Đã cấp phép	Cần thăm dò
7	Điểm Lũng Khoen	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
8	Điểm Nà Doỏng I - Nà Doỏng II và đồi Khe Khoòng	Chưa xác định	Đã hết hạn cấp phép	”
9	Các điểm sắt Đông Dăm, Lũng Phải	Chưa xác định	”	”
10	Các điểm Pó Vặm - Chiu Đôm -Lũng Báng	Chưa xác định	”	”
11	Điểm Khuổi Rào – Phiêng Lếch	Chưa xác định	”	”
12	Điểm khoáng sản Bản Ho (333)	494.054	”	”
13	Điểm Khuổi Lếch	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
14	Điểm sắt Phiêng Gù, Bản Dũa	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
15	Điểm sắt Cốc Phung, xóm Ngườm Cháng	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
16	Điểm sắt Lũng Dụ, xã Vũ Nông	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
17	Điểm sắt Bản Chạng, Bó Ninh, Nà Mò, xóm Mỏ Sắt, khu Bắc xã Dân Chủ	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
18	Điểm sắt Háng Hóa, xã Dân Chủ	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
19	Điểm sắt Đức Chính	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
20	Điểm sắt Phiêng Buồng - Phiêng Bồng	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
21	Điểm sắt Nà Boóc	Chưa xác	Đã có chủ	”

		định	trương	
22	Một khối trữ lượng C <sub>2</sub> (cấp 333) của mỏ Ngườm Cháng (phần ngoài diện tích đã cấp phép)	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”
23	Ngoài ra sẽ huy động vào khai thác tại các điểm mỏ mới được phát hiện sau khi đã tiến hành thăm dò	Chưa xác định	Đã có chủ trương	”

## **B. KHOÁNG SẢN MANGAN**

### **I. KHAI THÁC THEO QUY MÔ CÔNG NGHIỆP, TRỮ LƯỢNG + TÀI NGUYÊN > 1.000.000 tấn**

- 1 Mỏ Tốc Tát (121+ 122 + 333)
- 2 Mỏ Lũng Luông ( 122 + 333)

### **II. KHAI THÁC THEO QUY MÔ NHỎ, TRỮ LƯỢNG + TÀI NGUYÊN < 1.000.000 tấn**

1	Điểm Lũng Phậy (122+333)	9.440	2011	
2	Điểm Khưa Khoang (122+333)	72.810	2011	
3	Điểm Mã Phục - Cốc Phát (333)	30,71	2011	
4	Điểm Lũng Phái - Bản Chang	Chưa xác định	2011	Thăm dò và khai thác quy mô nhỏ
5	Điểm Khau Phái (334a)	30.000	2011	
6	Điểm Bản Mặc - Pác Riéc	Chưa xác định	2011	
7	Điểm Nà Mua (334a)	44.737	2011	
8	Điểm Mã Phục - Lũng Riéc (333+334a)	121.296	2011	
9	Điểm Hạ Lang: Sộc Quân - Sà Lầu, Lũng Sươn (334a)	241.281	2011	
10	Điểm Tả Than - Hiếu Lễ	Chưa xác định	2011	
11	Điểm Kha Mon	Chưa xác định	2011	
12	Điểm Lũng Nạp	Chưa xác định	2011	
13	Điểm Pài Cai	Chưa xác	2011	

		định	
14	Điểm Vò Viên	Chưa xác định	2011
15	Điểm Tăng Giường	Chưa xác định	2011
16	Điểm Tà Man - Hát Pan	Chưa xác định	2011
17	Điểm Lũng Phjắc	Chưa xác định	2011
18	Điểm Bản Hấu	Chưa xác định	Đã có chủ trương
19	Điểm Lũng Gà - Lũng Oai - Lũng Hoài	Chưa xác định	Đã có chủ trương
20	Điểm Kép Ky	Chưa xác định	Đã có chủ trương
21	Điểm Bắc Tóc Tát	Chưa xác định	Đã có chủ trương
22	Điểm Bản Rạ	Chưa xác định	Đã có chủ trương
23	Điểm Nà Mán	Chưa xác định	Đã có chủ trương

### **C. CÁC KHOÁNG SẢN KHÁC**

#### **I. KHOÁNG SẢN THIẾC – VONFRAM**

##### **I.1. Khai thác theo qui mô công nghiệp, trữ lượng + Tài nguyên > 200 tấn**

1	Tĩnh Túc (khu Đông) (121 + 122)	Còn 1581,228	2011	
2	Sn-W sa khoáng Thái Lạc (121+122)	657	Đang khai thác	
3	Thiếc sa khoáng Nguyên Bình (121+122+333)	529	2011	Cần thăm dò bổ sung

##### **I. 2. Khai thác theo qui mô nhỏ, trữ lượng + tài nguyên <200 tấn**

1	Thiếc sa khoáng Lũng Luông (333)	14,3	Khai thác khi có nhu cầu
3	Thiếc sa khoáng Phương Xuân (Nậm Quang) (333)	60	”
4	Thiếc sa khoáng Khuôn Rầy	10,44	”

	(333)			
5	Thiếc sa khoáng Nà Khoang	120	”	
	(333)			
2	Thiếc sa khoáng Nà Ngần	Chưa xác định	”	Cần thăm dò

## II. VÀNG, ĐỒNG, NIKEN, ANTIMON

### 1. Khai thác theo qui mô công nghiệp: không có

### 2. Khai thác theo qui mô nhỏ (các điểm khoáng sản)

1	Vàng gốc Nam Quang (121+122+333+334a)	905 kg	Đang khai thác	Cần thăm dò
2	Vàng gốc Bản Nùng	Chưa xác định	Tạm dừng khai thác	Cần thăm dò
3	Vàng gốc Lộc Xoa (Nộc Sloa) (334a)	170,2 kg	Tạm dừng khai thác	Cần thăm dò
4	Vàng sa khoáng Sơn Lộ - Sơn Lập (334a)	55,7 kg	Đã cấp phép	Cần thăm dò
5	Vàng Pác Bó	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
6	Vàng Nà Sầu - Nặm Đang	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
7	Vàng Thảm Riềm	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
8	Vàng gốc Khuổi Tông (334a)	19,1 kg	Khai thác khi có nhu cầu	Cần thăm dò
9	Vàng gốc Dục Lang (334a)	69,9 kg	”	Cần thăm dò
10	Vàng Bản Giám (334a)	586 kg Au	”	Cần thăm dò
11	Vàng gốc và sa khoáng Bảo Lạc	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
12	Đồng Nà Ke	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
13	Đồng Lũng Liềm	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
14	Đồng - niken Suối Cùn	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
15	Antimon Hát Han	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
16	Các điểm antimon Linh Quang,	Chưa xác	Đã có chủ	Cần thăm dò

Dược Lang, Nà Đông và Nam định trưng Viên

### III. KHOÁNG CHẤT CÔNG NGHIỆP

#### 1. Khai thác theo qui mô công nghiệp (không có)

#### 2. Khai thác theo qui mô nhỏ

##### 2.1. Barít

1	Barit Bản Khun – Phiêng Mường và Bản Vai – Bản Ran	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
2	Barit Bản Trang	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
3	Barit Chè Pén	Chưa xác định	Đã cấp phép	Cần thăm dò
4	Barit Tổng Ngoảng	Chưa xác định	Đã có chủ trương	Cần thăm dò
5	Barit Bản Đuốc	Chưa xác định	Đã có chủ trương	Cần thăm dò
6	Barit Bản Bó (333)	389.500	Khi có nhu cầu	Cần thăm dò
7	Các điểm barit Nà Chich, Kim Loan, Pò Tấu và Cốc Cáng (334a,334b)	824.516	Khi có nhu cầu	Cần thăm dò

##### 2.2. Các loại khác

1	Phosphorit Lũng Chang (Lam Sơn) (122)	8286 T	Đang khai thác	Cần thăm dò
2	Fluorit Bình Đường (333+334a)	5541 T	Đã cấp phép	Cần thăm dò
3	Dolomit Sộc Khăm	Chưa xác định	Đã có chủ trương	Cần thăm dò
4	Dolomit Nà Ón	Chưa xác định	Đã có chủ trương	Cần thăm dò
5	Thạch anh Nà Bản	Chưa xác định	Đã có chủ trương	Cần thăm dò
6	Phosphorit Nam Tuấn	11343 T	Sẽ đưa vào k. thác	Cần thăm dò
7	Travertin Hòa An	204.737 T	Khai thác khi có nhu cầu	Cần thăm dò
8	Dolomit Lũng Đeng	Chưa xác định		Cần thăm dò

9	Dolomit Đức Xuân	Chưa xác định	Cần thăm dò
10	Silic Bản Piên		Cần thăm dò
11	Than Vài Nòn		Cần thăm dò

*Ngoài ra, trong giai đoạn 2011 - 2015, sau khi có kết quả thăm dò, sẽ rà soát phân loại quy mô khai thác tại các mỏ, điểm mỏ phù hợp trữ lượng khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

#### 4.4. Quy hoạch chế biến

##### a) Nguyên tắc chung

Chỉ duy trì và cấp giấy phép xây dựng cơ sở chế biến trên cơ sở khẳng định được vùng nguyên liệu đảm bảo cho chế biến đạt hiệu quả kinh tế và không gây ô nhiễm môi trường.

##### b) Đối với quặng sắt

- Tổng số cơ sở chế biến quặng sắt hiện có là 06 cơ sở, với sản lượng sản phẩm như sau:

- + Gang: 400.600 tấn/năm;
- + Sắt xộp và phôi thép: 421.600 tấn/năm.

- Rà soát, đánh giá từng cơ sở chế biến để trong giai đoạn 2011 - 2015 duy trì số lượng cơ sở chế biến hợp lý;

- Xóa bỏ, di dời cơ sở chế biến nằm trong khu vực quy hoạch đô thị.

##### c) Đối với quặng mangan

- Tổng số cơ sở chế biến hiện có là 10 cơ sở, với sản lượng:

- + Feromangan: 68.090 tấn/năm;
- + Bột dioxyt mangan: 27.000 tấn/năm.
- + Mangan kim loại điện giải: 20.000 tấn/năm.

- Rà soát, đánh giá từng cơ sở chế biến để trong giai đoạn 2011 - 2015 duy trì số lượng cơ sở chế biến hợp lý; Khuyến khích liên kết, liên doanh các dự án có sản phẩm giống nhau.

##### d) Đối với thiếc

Hiện có 2 cơ sở chế biến, với sản lượng thiếc thỏi là 550 tấn/năm. Sau khi có kết quả thăm dò thiếc tại khu vực Tĩnh Túc, Nguyên Bình sẽ quyết định giữ 2 hoặc 1 cơ sở chế biến.

##### e) Đối với vàng

Hiện có 01 xưởng chiết tách kim loại quý (tại xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình) công suất 1.800 tấn quặng tinh/năm. Trong giai đoạn 2011- 2015 di chuyển xưởng này ra vị trí khác hoặc thu hồi dự án trong trường hợp không có nguyên liệu hoặc hoạt động không hiệu quả.

*g) Đối với antimon*

Hiện có 01 dự án khai thác và chế biến antimon (tại xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm) công suất 10.000 tấn/năm. Trước khi đầu tư và đưa dự án này vào sản xuất, cần phải tiến hành đánh giá, thăm dò để xác định trữ lượng quặng antimon nguyên liệu.

*h) Đối với barit*

Hiện có 01 nhà máy chế biến quặng barit (tại thị trấn Pác Mjàu, huyện Bảo Lâm), công suất 48.000 tấn/năm. Để đảm bảo nguyên liệu cần tiến hành thăm dò để xác định trữ lượng quặng Barit của các điểm mỏ là nguồn nguyên liệu cho nhà máy.

*i) Đối với đồng*

Hiện có 02 dự án là nhà máy tuyển nổi quặng niken - đồng (Bản Gùn, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An và phường Sông Bằng, Thị xã Cao Bằng) với công suất 450.000 tấn quặng/năm và dự án khai thác và chế biến mỏ đồng lộ thiên (tại xã Yên Thổ, xã Thái Sơn, huyện Bảo Lâm) công suất 650 tấn/năm. Tiến hành thăm dò để khẳng định trữ lượng khoáng sản trước khi đầu tư cơ sở chế biến.

*k) Đối với các khoáng sản khác*

Trong trường hợp cần thiết, có thể xem xét cấp phép xây dựng mới một số cơ sở chế biến với điều kiện đã xác định được trữ lượng khoáng sản, đảm bảo có đủ nguồn nguyên liệu ổn định, lâu dài và đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án với công nghệ, thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường.

*l) Các vùng chế biến khoáng sản tập trung vào 3 vùng sau*

*Vùng 1: Vùng phát triển công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản trung tâm* (Thị xã Cao Bằng, Hòa An) là nơi luyện gang thép, mangan kim loại điện giải, bột dioxit mangan và tuyển nổi niken - đồng.

*Vùng 2: Vùng phát triển công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản miền Đông:* tập trung chế biến feromangan, bột dioxit mangan.

*Vùng 3: Vùng phát triển công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản miền Tây:*

- Phát triển cụm công nghiệp khai thác, chế biến quặng thiếc wolfram Tĩnh Túc, Nguyên Bình;

- Khai thác và chế biến quặng chì kẽm và barit tại Bảo Lâm.

**5. Nhiệm vụ và những giải pháp**

5.1. Xác định khai thác và chế biến khoáng sản là nguồn lực của tỉnh để đầu tư phát triển các lĩnh vực khác của địa phương.

5.2. Vận dụng hợp lý Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11

năm 2010, các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật; tăng cường tuyên truyền Luật khoáng sản và các văn bản dưới Luật sâu rộng trong toàn xã hội.

5.3. Xây dựng chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản của tỉnh với phương châm tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả kinh tế cao, giảm thiểu xuất khẩu quặng thô, đẩy mạnh khai thác gắn liền với chế biến tại chỗ, chế biến sâu.

5.4. Xác định thống nhất quản lý trên toàn địa bàn tỉnh, phân định rõ ràng, nâng cao hiệu lực quản lý các cấp từ tỉnh đến xã.

5.5. Xây dựng hệ thống dữ liệu tài nguyên khoáng sản của tỉnh, lập chương trình đánh giá, thăm dò khoáng sản nhằm phát hiện các điểm mỏ mới và tăng trữ lượng khoáng sản, tạo cơ sở địa chất cho khai thác khoáng sản.

5.6. Khai thác có sự điều hòa giữa quặng giàu với quặng nghèo, tạo giá trị cho các mỏ có chất lượng thấp.

5.7. Một số giải pháp cụ thể đối với thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trong địa bàn của tỉnh

- Đối với công tác thăm dò: yêu cầu chủ giấy phép thăm dò bổ sung các điểm mỏ đã được cấp nhưng chưa có số liệu chính xác về trữ lượng. Các điểm mỏ chưa cấp, dự kiến khai thác trong giai đoạn 2011 - 2015 tiến hành thăm dò trước khi cấp phép khai thác. Nguồn kinh phí thăm dò khoáng sản huy động từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn khác.

- Đối với hoạt động khai thác: yêu cầu các chủ giấy phép từng bước áp dụng công nghệ tiên tiến để khai thác triệt để tài nguyên; thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường sinh thái trong khai thác khoáng sản; quản lý sản lượng khai thác trên cơ sở giấy phép được cấp và trữ lượng khoáng sản đã được xác định qua thăm dò.

- Đối với hoạt động chế biến: yêu cầu các cơ sở chế biến đã xây dựng xong phải hoạt động liên tục; khuyến khích liên doanh, liên kết đối với các dự án có sản phẩm giống nhau; kiểm tra giám định công nghệ các cơ sở chế biến đã được cấp giấy phép xây dựng, nếu công nghệ chưa phù hợp các quy định hiện hành phải nâng cấp hoặc dừng sản xuất để tránh lãng phí tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đánh giá hiệu quả các dự án chế biến phải dựa trên cơ sở tính giá nguyên liệu quặng đầu vào theo giá thị trường.

- Đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản vàng sẽ cấp phép chủ yếu theo hình thức đấu thầu để chọn nhà đầu tư và trước hết phải làm thí điểm, không làm tràn lan, quy trình quản lý đảm bảo chặt chẽ, thực sự hiệu quả.

- Tách bạch kết quả hoạt động khai thác và hoạt động chế biến khoáng sản làm cơ sở tính toán chính xác nguồn thu nộp ngân sách nhà nước của các chủ giấy phép.

5.8. Có chính sách thu hút, đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động trong chuyên ngành khoáng sản của tỉnh.

5.9. Xúc tiến học tập, ứng dụng công nghệ khai thác khoáng sản của quốc tế nhằm đạt được hiệu quả cao nhất và bảo vệ môi trường.

5.10. Kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động khoáng sản của tỉnh theo quy định.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ thông qua

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XV kỳ họp thứ 2 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Hà Ngọc Chiến**